

Số: 21/2023/QĐST-HNGĐ

LV, ngày 27 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 441/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1971; Nơi thường trú: Số 423C, ấp A, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên lạc: Ấp H, xã T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 423C, ấp A, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn S.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn S tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 26/7/2001 và Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 08/4/1995, hiện cháu Nguyễn Thị Thanh N và Nguyễn Vĩnh

T1 đã trưởng thành có khả năng lao động, nên chị T và anh S tự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về chia tài sản: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Đỗ Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016294, ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị T được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
- (GCNKH số 54 ngày ĐK 19/4/2004)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

**Trần Hiến Cường**